

Bản án số: 123/2019/DS-PT

Ngày: 17 - 4 - 2019

V/v: “*Yêu cầu vô hiệu hợp đồng  
chuyển nhượng QSD đất; hủy giấy  
chứng nhận QSD đất; chia TS chung*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Huyền Vân

*Các Thẩm phán:* Ông Vũ Ngọc Huynh

Bà Huỳnh Thanh Duyên

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Mai Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 259/2018/TLPT-DS ngày 08 tháng 08 năm 2018 về việc tranh chấp “Tranh chấp yêu cầu vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tranh chấp chia tài sản chung”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2018/DS-ST ngày 13 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 265/2019/QĐPT ngày 25 tháng 03 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1968. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Long An;

Thường trú: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị H, sinh năm 1963. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã Mỹ Lộc, huyện C, tỉnh Long An.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Vũ Thúy N, sinh năm 1979; (Vắng mặt)

3.2. Ông Nguyễn Tiến D, sinh năm 1976; (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: B1-14-04-Tầng 14, chung cư Him Lam, Phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông Dũng: Bà Vũ Thúy N (Văn bản ủy quyền chứng thực ngày 12/6/2018)

3.3. Văn phòng Công chứng Cần Giuộc. (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 16 đường N, ấp H, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn D - Trưởng văn phòng.

3.4. Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Long An. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu G – Phó giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Long An.

4. Người làm chứng:

4.1. Ông Phạm Văn T, sinh năm 1960; (có mặt)

4.2. Bà Trần Thị S, sinh năm 1938; (vắng mặt)

4.3. Ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1954; (vắng mặt)

4.4. Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1964. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã Mỹ L, huyện C, tỉnh Long An.

- Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn L và bị đơn bà Trần Thị H.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn ông Nguyễn Văn L trình:*

Ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị H tổ chức lễ cưới năm 1988, đến năm 1995 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M. Năm 1992 ông L và bà H có mua của ông Phạm Văn T phần đất thuộc thửa 196, tờ bản đồ số 15, diện tích 1.986m<sup>2</sup> tọa lạc ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Long An với giá 7 chỉ 5 phân vàng 24k. Năm 2002 hai vợ chồng ông ra Ủy ban nhân dân xã M đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà H có nói bà có hộ khẩu tại ấp L nên ông để cho bà H đứng tên quyền sử dụng đất. Năm 2012 ông và bà H xảy ra mâu thuẫn ông có nộp đơn xin ly hôn, tại Tòa bà H không đồng ý ly hôn nói còn thương ông nên ông rút đơn khởi kiện. Ông ly thân bà H từ năm 2012 và sống tại nhà cha mẹ ruột ở xã P. Đến ngày 01/2/2017 ông Phát hiện bà H đã chuyển nhượng thửa đất này cho bà Vũ Thúy N. Ông L khởi kiện yêu cầu:

1. Tuyên vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Trần Thị H đối với bà Vũ Thúy N được công chứng ngày 16/11/2016 tại Văn phòng công chứng Cần Giuộc đối với thửa đất số 196, tờ bản đồ số 15, diện tích 1.986m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Long An.

2. Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 110335 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp cho bà Vũ Thúy N vào ngày 06/12/2016.

Tại phiên hòa giải ngày 22/5/2018 ông L bổ sung yêu cầu khởi kiện: yêu cầu chia phần đất tranh chấp diện tích 1.986m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Long An thành ba phần bằng nhau. Ông L xin được hưởng một phần là 662m<sup>2</sup>. Hai phần còn lại giao bà Trần Thị H và con trai Nguyễn Hoàng Kh.

*Bị đơn bà Trần Thị H trình bày:* Bà và ông L cưới nhau vào năm 1988. Sau khi cưới bà về sống chung với cha mẹ chồng. Năm 1989 ông L chấp hành hình phạt tù nên bà H về sống chung với cha mẹ ruột tại xã M. Do hoàn cảnh bà khó khăn nên năm 1990 mẹ bà là Trần Thị S mua của ông Phạm Văn T thửa đất 196 cho bà. Năm 1991 ông L mãn hạn tù về sống chung với bà và có cùng bà tôn tạo phần đất này. Năm 2009 ông L có người đàn bà khác và không còn sống chung với bà. Sau đó bà có làm giấy độc thân và chuyển nhượng thửa đất này cho bà Vũ Thúy N. Đối với yêu cầu của ông L bà không đồng ý. Đây là tài sản bà H nhận tặng cho riêng từ mẹ bà nên bà có quyền định đoạt.

*Người có quyền và nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thúy N trình bày:*

Ngày 16/11/2016, giữa bà và bà H có ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa đất 196, tờ bản đồ số 15 loại đất BHK được Văn phòng công chứng Cần Giuộc chứng thực số công chứng 23153, quyển số 24/TP/CC - SCC/HĐGD. Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà và bà Trần Thị H là hợp pháp, đúng quy định của pháp luật. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L bà không đồng ý. Đề nghị giữ nguyên quyền sử dụng đất cho bà.

*Người có quyền và nghĩa vụ liên quan Văn phòng công chứng Cần Giuộc trình bày:* Việc Văn phòng công chứng Cần Giuộc công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Trần Thị H đối với bà Vũ Thúy N được công chứng ngày 16/11/2016 tại Văn phòng công chứng huyện C đối với thửa đất số 196, tờ bản đồ số 15, diện tích 1.986m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp L, xã Mỹ L, huyện C, tỉnh Long An là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An có ý kiến:*

Thửa đất số 196, tờ bản đồ số 15 diện tích 1.968m<sup>2</sup> loại đất BHK, tại xã M, huyện C đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị H số U 140937 vào ngày 21/5/2002. Hồ sơ cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ tỉ lệ 1/5000 sang tỉ lệ 1/2000 được lưu trữ tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C nhưng theo Công văn số 27/UBND-ĐC ngày 06/4/2018 không tìm thấy hồ sơ lưu trữ. Do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An không có lưu trữ hồ sơ.

*Người làm chứng ông Nguyễn Văn X trình bày:* Vào năm 1991, ông Phạm Văn T có mướn ông đào cái ao để lấp cái gò. Một năm sau ông T bán lại cho hai cháu L, H. Diện tích là 2 công, thửa 196, tờ bản đồ số 15. Đất tọa lạc tại xã M. Ông không biết không thấy ai mua hay tặng cho gì cho hai cháu L, H.

*Người làm chứng bà Trần Thị S khai:* Năm 1990 bà có mua một miếng đất của ông Phạm Văn T diện tích 2.000m<sup>2</sup> tại L, xã M cho con gái Trần Thị H đứng

tên và đứng quyền sử dụng đất. Đây là miếng đất bà mua cho con gái bà không liên quan đến ông L.

*Người làm chứng ông Phạm Văn T trình bày:* Ông có bán một miếng đất cho hai mẹ con bà Trần Thị H vào năm 1990, diện tích 2.000m<sup>2</sup>, tại ấp L, xã Mỹ L, huyện C, tỉnh Long An.

*Người làm chứng ông Huỳnh Văn T cho biết* ông có thấy vợ chồng bà H canh tác và sử dụng từ năm 1992 đến nay, không biết có việc ai mua hay tặng cho.

***Tại bản án dân sự sơ thẩm số 28/2018/DS-ST ngày 13/6/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An quyết định:***

Căn cứ các Điều 26, Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 32 Luật tố tụng hành chính 2015;

Áp dụng Điều 213 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2000; Điều 50, Điều 105 Luật Đất đai năm 2003; Điều 166, Điều 167 Điều 203 Luật Đất đai 2013; các Điều 147, Điều 157 và Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L đối với bà Trần Thị H về việc “yêu cầu vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chia tài sản”

1.1. Giữ nguyên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 23153, quyền số 24TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng Cần Giuộc chứng thực ngày 16/11/2016 giữa bà Trần Thị H và bà Vũ Thúy N đối với thửa 196 diện tích 1.986m<sup>2</sup> loại đất BHK, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại ấp Lộc Tiền, xã Mỹ Lộc, huyện C, tỉnh Long An.

1.2. Giữ nguyên việc cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính số 18329 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C từ Trần Thị H sang bà Vũ Thúy N đối với thửa 196 có diện tích 1.986m<sup>2</sup>.

1.3. Giữ nguyên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 06/12/2016 cho bà Vũ Thúy N số CG 110335, số vào sổ cấp GCN: CS 04942, thửa 196, tờ bản đồ số 15, loại đất trồng cây hàng năm khác (BHK), diện tích 1.986m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Long An.

Buộc bà Trần Thị H chia cho ông Nguyễn Văn L 182.614.000đ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/6/2018 nguyên đơn ông Nguyễn Văn L có đơn kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm xét xử lại.

Ngày 27/8/2018 bị đơn bà Trần Thị H có đơn kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm.

*Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Văn L trình bày:* Nguồn gốc đất do ông và bà H mua của ông T, có ông Xưa là hàng xóm làm chứng xác nhận. Hiện ông không có chỗ ở nên ông muốn ở lại nhà.

*Bị đơn bà Trần Thị H trình bày:* Nguồn gốc đất là của mẹ ruột mua của ông T cho bà nên đây là tài sản riêng của bà. Nếu tòa xử cho ông L khoản tiền bồi thõ thì bà cũng không có tiền trả.

*Người làm chứng ông Phạm Văn T trình bày:* Năm 1990 ông có bán một miếng đất cho hai mẹ con bà Trần Thị H tại ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Long An.

*Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến:* Về hình thức đơn kháng cáo của các đương sự lập trong thời hạn luật định nên được chấp nhận. Về nội dung: Kháng cáo của ông L không đưa ra căn cứ nào để chứng minh cho yêu cầu của mình nên không có được chấp nhận. Kháng cáo của bà H, việc bà H chuyển nhượng đất cho bà N không được sự đồng ý của ông L là không đúng quy định. Do vậy, án sơ thẩm đã tuyên ông L được hưởng ¼ giá tài sản chung là có căn cứ pháp luật. Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận thấy:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Về tư cách tham gia tố tụng, thẩm quyền giải quyết Hội đồng xét xử sơ thẩm đã xác định đúng theo các Điều 26, Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính 2015. Ông L, bà H kháng cáo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của ông L và bà H, thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: ông L và bà H mặc dù chung sống từ năm 1988 nhưng đến năm 1995 mới đăng ký kết hôn.

Về tài sản: Gồm diện tích 1.986m<sup>2</sup> thuộc thửa 196, tờ bản đồ số 15 loại đất BHK. Ông L cho rằng diện tích là tài sản chung của ông và bà H. Năm 1992 ông và bà H mua của ông Phạm Văn T, có làm giấy tay nhưng ông không đưa ra được căn cứ chứng minh. Lý do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ có tên bà H do bà H có hộ khẩu tại ấp L.

Bà H trình bày đất này bà được mẹ ruột là bà S tặng cho riêng nên bà đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông Phạm Văn T là người chủ đất đã xác nhận bán đất cho bà Son. Vì vậy, có cơ sở chấp nhận năm 1990, bà H và bà Son có chuyển nhượng đất của ông T khoảng 2.000m<sup>2</sup> đất lúa qua đo đạc là 1.986m<sup>2</sup> thuộc thửa 196, tờ bản đồ số 15.

Do vậy, tài sản trên không được xác định là tài sản chung vợ chồng. Tuy nhiên, sau khi kết hôn ông bà cùng tôn tạo làm thay đổi mục đích sử dụng đất từ đất lúa sang đất cây hàng năm khác. Bà H cũng thừa nhận việc này nên không cần chứng minh. Do đó theo quy định tại Khoản 2 Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 quyền sử dụng đất này tài sản chung, có một phần của ông L về công bồi bổ.

[2.2] Xét hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 16/11/2016, giữa bà N và bà H diện tích 1.986m<sup>2</sup> với thửa 196, tờ bản đồ số 15, loại đất BHK được Văn phòng công chứng Cần Giuộc chứng thực công chứng số 23153, quyển số 24/TP/CC -SCC/HĐGD:

Hợp đồng được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về công chứng. Việc bà H tự ý lập Giấy xác nhận tình trạng độc thân khi hôn nhân hai ông bà đang tồn tại là không đúng. Vì vậy, ông L có quyền yêu cầu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu nhưng hợp đồng giữa bà H và bà N không hợp pháp. Tuy hợp đồng được thực hiện trước ngày 01/01/2017 - ngày Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực pháp luật nhưng sau khi nhận chuyển nhượng đất bà N đã đầu tư san lấp trên đất nên áp dụng tinh thần Điều 133 Bộ luật dân sự 2015 không hủy hợp đồng chuyển nhượng, không hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà N.

[2.3] Về yêu cầu chia tài sản là quyền sử dụng đất.

Ông L yêu cầu được chia 1/3 quyền sử dụng đất và nhận đất nhưng bà N nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà H là Ny tình và đầu tư trên đất. Hơn nữa, ông L không thuộc trường hợp có nhu cầu cần chỗ ở. Vì từ khi không chung sống với bà H ông vẫn có chỗ ở ổn định đến nay, do đó không chấp nhận yêu cầu xin chia và nhận đất bằng hiện vật.

Xét nguồn gốc quyền sử dụng đất là tài sản của bà H hình thành trước khi hôn nhân được công nhận ông L có công bồi bổ. Mặc khác, ông L bỏ bà H và con trai thời gian khoảng 8 năm không chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà H là người giữ gìn và quản lý đất sau khi chuyển nhượng dùng tiền để xây dựng nhà ở. Cho nên chấp nhận chia cho ông L một phần tư giá trị đất thời điểm hiện nay. Giá trị đất theo chứng thư thẩm định giá Việt Tín ngày 11/11/2017 là 730.459.000đ chia 1/4 là 182.614.000đ (lấy tròn). Buộc bà H chia giá trị này cho ông L là phù hợp. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông L là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Ông L, bà H kháng cáo nhưng không có căn cứ chứng minh nên Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, bác kháng cáo của ông L, bà H giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí và các chi phí tố tụng khác:

Về chi phí thẩm định, định giá, đo đạc: 15.800.000đ. Ông L, bà H mỗi người chịu ½ là 7.900.000đ, ông L đã tạm ứng, bà H phải nộp để trả cho ông L.

Về án phí sơ thẩm: Ông L phải chịu án phí trên giá trị tài sản được chia  $182.614.000đ \times 5\% = 9.130.700đ$ .

Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị H mỗi người phải chịu 300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/6/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn L. Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị H. Giữ nguyên quyết định Bản án sơ thẩm số 28/2018/DS-ST ngày 13 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

Căn cứ các Điều 26, Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 32 Luật tố tụng hành chính 2015;

Áp dụng Điều 213 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2000; Điều 50, Điều 105 Luật Đất đai năm 2003; Điều 166, Điều 167 Điều 203 Luật Đất đai 2013; các Điều 147, Điều 157 và Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L đối với bà Trần Thị H về việc “Yêu cầu vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chia tài sản”.

Giữ nguyên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 23153, quyền số 24TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng Cần Giuộc chứng thực ngày 16/11/2016 giữa bà Trần Thị H và bà Vũ Thúy N đối với thửa 196 diện tích  $1.986m^2$  loại đất BHK, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Long An.

Giữ nguyên việc cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính số 18329 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C từ Trần Thị H sang bà Vũ Thúy N đối với thửa 196 có diện tích  $1.986m^2$ .

Giữ nguyên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 06/12/2016 cho bà Vũ Thúy N số CG 110335, số vào sổ cấp GCN: CS 04942, thửa 196, tờ bản đồ số 15, loại đất trồng cây hàng năm khác (BHK), diện tích  $1.986m^2$ , tọa lạc tại ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Long An.

Buộc bà Trần Thị H chia cho ông Nguyễn Văn L 182.614.000đ.

Chi phí thẩm định và đo đạc, định giá: Ông Nguyễn Văn L phải chịu 7.900.000đ; bà H phải chịu 7.900.000đ. Ông L đã tạm ứng, bà H phải nộp để trả cho ông L 7.900.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất do ngân hàng

nhà nước qui định tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

*Về án phí:*

- Án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn L phải chịu 9.130.700 đồng, nhưng được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000934 ngày 01/6/2017 và 6.100.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001367 ngày 29/5/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An.

- Án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị H mỗi người phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001406 ngày 25/6/2018 và số 0001413 ngày 27/6/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An, ông L bà H đã nộp đủ.

Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh; (1)
- TAND tỉnh Long An; (1)
- VKSND tỉnh Long An; (1)
- Cục THADS tỉnh Long An; (1)
- Đương sự (6)
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án (3) 14b (MTTT)

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trần Thị Huyền Vân**